

Số: /QĐ-UBND

Bình Dương, ngày tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng
phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của văn phòng UBND thị trấn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban Nhân dân thị trấn Bình Dương hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công chức Văn phòng - Thống kê và các công chức phụ trách các lĩnh vực giải quyết thủ tục hành chính chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND huyện; (báo cáo);
- Lưu: VT, Ban ISO.

Võ Đình Sơn

DANH MỤC TTHC CẤP XÃ <i>(kèm theo Quyết định 485/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của UBND thị trấn Bình Dương)</i>						
LĨNH VỰC	STT	TÊN TÀI LIỆU	Mã TTHC	MỨC ĐỘ TRỰC TUYẾN		
				Một phần	Toàn trình	Khác
II. Danh mục thủ tục hành chính cấp xã						
1. An toàn đập, hồ chứa thủy điện (2)	1	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	2.000206.000.00.00.H08	x		
	2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	2.000184.000.00.00.H08		x	
2. Bảo trợ xã hội (15)	3	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	1.001739.000.00.00.H08		x	
	4	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	2.000744.000.00.00.H08		x	
	5	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	2.000751.000.00.00.H08		x	
	6	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	1.001776.000.00.00.H08	x		
	7	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	1.011606.000.00.00.H08	x		
	8	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	2.000286.000.00.00.H08	x		
	9	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.001753.000.00.00.H08		X	
	10	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	1.011607.000.00.00.H08	X		
	11	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	1.001758.000.00.00.H08		x	

	12	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	1.011608.000.00.00.H08	x		
	13	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	1.011609.000.00.00.H08	x		
	14	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	1.001699.000.00.00.H08	x		
	15	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	1.001653.000.00.00.H08	x		
	16	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	2.000355.000.00.00.H08		x	
	17	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	1.001731.000.00.00.H08		x	
3.Bảo hiểm (1)	18	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	1.005412.000.00.00.H08	x		
4, Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (1)	19	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	2.002620.H08-04.00-X	x		
5.Bồi thường nhà nước (1)	20	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	2.002165.000.00.00.H08			X
6.Chính quyền địa phương (1)	21	Thủ tục thẩm định thành lập thôn mới, thôn tổ dân phố	2.000465.000.00.00.H08	x		
7. Chính sách (2)	22	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ	1.012538.H08	x		
	23	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ	1.012537.H08	x		
8.Chứng thực (11)	24	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	2.000908.000.00.00.H08		x	
	25	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	2,000815	x		
	26	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ	2.000884.000.00.00.H08			X

		được)				
	27	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	2.000913.000.00.00.H08			X
	28	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	2.000942.000.00.00.H08			X
	29	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	2.000927.000.00.00.H08			X
	30	Thủ tục chứng thực di chúc	2.001019.000.00.00.H08			X
	31	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2.001035.000.00.00.H08			X
	32	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	2.001016.000.00.00.H08			X
	33	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2.001406.000.00.00.H08			X
	34	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2.001009.000.00.00.H08			X
9.Các cơ sở giáo dục khác (5)	35	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	2.001810.000.00.00.H08		x	
	36	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	1.004441.000.00.00.H08		x	
	37	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	1.004492.000.00.00.H08	x		
	38	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	1.004443.000.00.00.H08	x		
	39	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	1.004485.000.00.00.H08	x		
10.Công tác dân tộc (1)	40	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	1.012223.000.00.00.H08		x	
11.Dân số (2)	41	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	2.001088.000.00.00.H08	x		
	42	Cấp giấy chứng sinh đối với trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ đẻ.	1.002192.000.00.00.H08	x		

12. Gia đình (2)	43	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	1.012084.000.00.00.H08		x	
	44	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	1.012085.000.00.00.H08		x	
13. Giám định y khoa (2)	45	Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người khuyết tật (bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật	1.011798.000.00.00.H08	x		
	46	Khám giám định đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác	1.011799.000.00.00.H08	x		
14. Giải quyết Khiếu nại (1)	47	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	2.002409.000.00.00.H08			X
15. Giải quyết tố cáo (1)	48	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	2.002396.000.00.00.H08			X
16. Hạ tầng kỹ thuật (2)	49	Cấp phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè, lòng đường cho các hoạt động phục vụ thi công xây dựng, sửa chữa công trình	1.009.349	x		
	50	Gia hạn Giấy phép sử dụng tạm thời vỉa hè, lòng đường (cấp xã)	1.009.350	x		
17. Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (1)	51	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.002668.H08		x	
18. Hộ tịch (19)	52	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	1.004873.000.00.00.H08		x	
	53	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	2.000635.000.00.00.H08		x	
	54	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	2.000986.000.00.00.H08	x		
	55	Thủ tục đăng ký khai sinh	1.001193.000.00.00.H08	x		
	56	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	2.001023.000.00.00.H08	x		
	57	Thủ tục đăng ký kết hôn	1.000894.000.00.00.H08	x		

	58	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	1.000593.000.00.00.H08	x		
	59	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	1.004746.000.00.00.H08	x		
	60	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.001022.000.00.00.H08	x		
	61	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	1.000689.000.00.00.H08	x		
	62	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	1.003583.000.00.00.H08	x		
	63	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	1.004884.000.00.00.H08	x		
	64	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1.004772.000.00.00.H08	x		
	65	Thủ tục đăng ký khai tử	1.000656.000.00.00.H08	x		
	66	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	1.000419.000.00.00.H08	x		
	67	Thủ tục đăng ký giám hộ	1.004837.000.00.00.H08	x		
	68	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	1.004845.000.00.00.H08	x		
	69	Đăng ký lại khai tử	1.005461.000.00.00.H08	x		
	70	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	1.004859.000.00.00.H08	x		
19. Hộ tịch - Đăng ký thường trú - Bảo trợ xã hội - Người có công (1)	71	Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất	2.002622.H08	x		
20. Hộ tịch - Đăng ký thường trú - Quản lý thu, Sổ - thẻ (1)	72	Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	2.002621.H08	x		
21. Khoa học Công nghệ và Môi trường (1)	73	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích.	1.008838.000.00.00.H08	x		

22. Kiểm lâm	74	Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư	1.012693.H08	x		
23.Môi trường (2)	75	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	1.010736.000.00.00.H08	x		
24.Người Có Công (24)	76	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	1.010833.000.00.00.H08	x		
	77	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	2.001157.000.00.00.H08	x		
	78	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	1.010803.000.00.00.H08			X
	79	Thủ tục cấp giấy chứng nhận hy sinh đề nghị công nhận liệt sĩ đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	1.011401.000.00.00.H08			X
	80	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	2.002307.000.00.00.H08			X
	81	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	2.002308.000.00.00.H08	x		
	82	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương đề nghị công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ bị thương trong chiến tranh đã chuyển ra	1.011402.000.00.00.H08			X
	83	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm – pu – chia	1.004964.000.00.00.H08			X
	84	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	2.001396.000.00.00.H08			X
	85	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	1.010804.000.00.00.H08			X
	86	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng	1.010805.000.00.00.H08			X

	chiến hiện không công tác trong quân đội, công an				
87	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	1.010810.000.00.00.H08			X
88	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tình quản lý	1.010812.000.00.00.H08			X
89	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	1.010814.000.00.00.H08			X
90	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	1.010815.000.00.00.H08			X
91	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1.010816.000.00.00.H08			X
92	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1.010817.000.00.00.H08			X
93	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	1.010818.000.00.00.H08			X
94	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	1.010819.000.00.00.H08	X		
95	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	1.010820.000.00.00.H08			X
96	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.010821.000.00.00.H08			X
97	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	1.010824.000.00.00.H08	X		
98	Thủ tục giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1.001257.000.00.00.H08			X
99	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	1.010825.000.00.00.H08			X

25.Nuôi con nuôi (2)	100	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	2.001263.000.00.00.H08			X
	101	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	2.001255.000.00.00.H08		x	
26.Nông nghiệp (1)	102	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	1.003596.000.00.00.H08		x	
27.Phòng, chống thiên tai (5)	103	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	1.010091.000.00.00.H08		x	
	104	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	2.002163.000.00.00.H08	x		
	105	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	1.010092.000.00.00.H08		x	
	106	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	2.002162.000.00.00.H08		x	
	107	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	2.002161.000.00.00.H08		x	
28.Phòng, chống tệ nạn xã hội (3)	108	Thủ tục Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	1.000132.000.00.00.H08		x	
	109	Thủ tục Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	2.001661.000.00.00.H08		x	
	110	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	1.010941.000.00.00.H08	x		
29.Phổ biến giáo dục pháp luật (6)	111	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật	2.001457.000.00.00.H08		x	
	112	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	1.002211.000.00.00.H08		x	
	113	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	2.000950.000.00.00.H08		x	

	114	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	2.002080.000.00.00.H08		x	
	115	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	2.000930.000.00.00.H08		x	
30.Thi đua - khen thưởng (5)	116	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã theo công trạng (Cấp xã)	1.012373.H08		x	
	117	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo chuyên đề (Cấp xã)	1.012374.H08		x	
	118	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho hộ gia đình (Cấp xã)	1.012378.H08		x	
	119	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất (Cấp xã)	1.012376.H08		x	
	120	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến (Cấp xã)	1.012379.H08		x	
31.Thuế (1)	121	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	1.008603.000.00.00.H08		x	
32.Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (3)	122	Thông báo thành lập tổ hợp tác	2.002226.000.00.00.H08		x	
	123	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	2.002227.000.00.00.H08		x	
	124	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	2.002228.000.00.00.H08		x	
33.Thư viện (3)	125	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	1.008901.000.00.00.H08		x	
	126	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	1.008902.000.00.00.H0		x	
	127	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	1.008903.000.00.00.H08		x	
34.Thể dục thể thao (1)	128	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	2.000794.000.00.00.H08		x	
35. Thủy lợi (3)	129	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	2.001621.000.00.00.H08	x		

	130	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	1.003446.000.00.00.H08			X
	131	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	1.003440.000.00.00.H08			X
36. trẻ em (5)	133	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	1.004946.000.00.00.H08_X	x		
	134	Chăm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	1.004944.000.00.00.H08_X	x		
	135	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	2.001947.000.00.00.H08	x		
	136	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	1.004941.000.00.00.H08	x		
	137	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	2.001944.000.00.00.H08	x		
37.Trồng Trọt (1)	138	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	1.008004.000.00.00.H08		x	
38.Tôn giáo Chính phủ (10)	139	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	2.000509.000.00.00.H08		x	
	140	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	1.001028.000.00.00.H08		x	
	141	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	1.001055.000.00.00.H08		x	
	142	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	1.001078.000.00.00.H08		x	
	143	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	1.001085.000.00.00.H08		x	
	144	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	1.001090.000.00.00.H08		x	
	145	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	1.001098.000.00.00.H08		x	
	146	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	1.001109.000.00.00.H08		x	

	147	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	1.001156.000.00.00.H08		x	
	148	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	1.001167.000.00.00.H08		x	
39.Văn hóa cơ sở (1)	149	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	1.003622.000.00.00.H08		x	
40.Xử lý đơn thư (1)	150	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	2.002501.000.00.00.H08			X
41.Đường thủy nội địa (9)	151	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	1.004088.000.00.00.H08_X	x		
	152	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	1.006391.000.00.00.H08_X	x		
	153	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	1.003930.000.00.00.H08_X	x		
	154	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1.004002.000.00.00.H08_X	x		
	155	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	2.001711.000.00.00.H08_X	x		
	156	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	1.004047.000.00.00.H08_X			x
	157	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	2.001659.000.00.00.H08_X		x	
	158	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1.003970.000.00.00.H08_X			x
	159	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	1.005040.000.00.00.H08_X		x	
42.Đất đai (1)	160	Hòa giải tranh chấp đất đai (cấp xã)	1.003554.000.00.00.H08	x		

Tổng cộng 42 lĩnh vực; 161 Thủ tục